

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-34
Báo cáo tình hình tài chính	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động	09-10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11-12
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	13
Thuyết minh Báo cáo tài chính	14-34

Trang

02-03

04-05

06-34

06-08

09-10

11-12

13

14-34



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 82/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/02/2008, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 13/GPĐC-UBCK ngày 14/02/2011, số 50/GPĐC-UBCK ngày 26/08/2011 và số 51/GPĐC-UBCK ngày 18/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Loan	Chủ tịch
Ông Trần Kiên Cường	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Cường	Ủy viên
Ông Trần Anh Quân	Ủy viên
Bà Mai Thị Hằng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Kiên Cường	Quyền Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Vương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hà Hải Như	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Lan	Trưởng ban
Bà Đào Thị Thơm	Ủy viên
Bà Phạm Thị Sen	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, thu nhập toàn diện và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Trần Kiên Cường

Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình được lập ngày 27 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả thu nhập toàn diện, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Diệu Trang

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0938-2013-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		175.642.597.783	168.163.915.003
110	I. Tài sản tài chính		175.397.880.874	167.880.559.687
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	170.766.320.254	144.673.591.927
111.1	1.1 Tiền		5.766.320.254	144.673.591.927
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		165.000.000.000	-
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	111.164.504	111.164.504
114	3. Các khoản cho vay	5	2.126.793.278	21.011.645.618
116	4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	5	(6.663.684)	(6.683.364)
117	5. Các khoản phải thu	6	1.000.000.000	-
117.2	5.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		1.000.000.000	-
117.3	5.1.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		1.000.000.000	-
118	6. Trả trước cho người bán		44.000.000	44.000.000
122	7. Các khoản phải thu khác	6	1.356.266.522	2.046.841.002
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		244.716.909	283.355.316
131	1. Tạm ứng		824.424	39.462.831
135	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		88.845.112	88.845.112
136	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9	155.047.373	155.047.373
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		198.166.675.688	205.712.431.691
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		55.066.377.577	55.896.160.000
212	1. Các khoản đầu tư	10	55.896.160.000	55.896.160.000
212.3	1.1 Đầu tư dài hạn khác		55.896.160.000	55.896.160.000
213	2. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	11	(829.782.423)	-
220	II. Tài sản cố định		326.491.112	450.340.000
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	-	-
222	- Nguyên giá		15.970.989.107	15.970.989.107
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.970.989.107)	(15.970.989.107)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	326.491.112	450.340.000
228	- Nguyên giá		12.449.916.470	12.324.916.470
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.123.425.358)	(11.874.576.470)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	55.020.025.006	61.080.768.210
231	- Nguyên giá		76.868.886.130	76.868.886.130
232a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(21.848.861.124)	(15.788.117.920)
250	V. Tài sản dài hạn khác		87.753.781.993	88.285.163.481
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	8	80.000.000.000	80.962.400.000
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	7	17.300.001	4.966.951
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	7.736.481.992	7.317.796.530
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		373.809.273.471	373.876.346.694

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

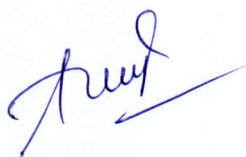
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

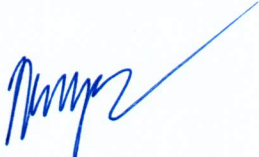
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.277.200.561	3.257.718.716
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		1.277.200.561	3.257.718.716
318	1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	202.193.746	128.721.212
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn		16.016.000	211.555.384
322	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	35.301.241	38.528.060
323	4. Phải trả người lao động		343.506.375	752.142.870
324	5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		70.508.187	114.569.576
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	526.256.023	1.960.815.460
329	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		-	182.475
331	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		83.418.989	51.203.679
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		372.532.072.910	370.618.627.978
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	372.532.072.910	370.618.627.978
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		329.999.800.000	329.999.800.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		329.999.800.000	329.999.800.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		329.999.800.000	329.999.800.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		3.627.965.499	3.562.534.878
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		3.627.965.499	3.562.534.878
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		35.276.341.912	33.493.758.222
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		35.276.341.912	33.493.758.222
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		373.809.273.471	373.876.346.694

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
008	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	20	11.760.000	11.120.000
009	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	21	70.000	70.000
012	3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	22	55.520.000.000	55.520.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	23	475.966.510.000	665.187.030.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		455.096.840.000	396.354.140.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		20.216.390.000	257.636.390.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		653.280.000	11.196.500.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	24	57.150.000	17.570.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		57.150.000	17.570.000
026	3. Tiền gửi của khách hàng	25	4.937.296.318	16.801.458.903
027	3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		4.937.296.318	16.801.458.903
031	4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	26	4.937.296.318	16.801.458.903
031.1	4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		4.937.296.318	16.801.458.903



Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Người lập



Nguyễn Ngọc Dung
Kế toán trưởng



Trần Kiên Cường
Quyền Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2016

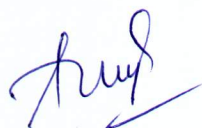
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	555.200	950.000
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	555.200	950.000
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	2.045.396.731	801.252.576
04	1.4	Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.500.000.000	3.540.000.000
06	1.6	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	3.882.136.432	1.523.201.569
10	1.10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	-	27.272.727
11	1.11	Thu nhập hoạt động khác	4.543.682.316	5.153.000.000
20	Cộng doanh thu hoạt động		12.971.770.679	11.045.676.872
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	-	585.798
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	-	585.798
24	2.4	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay	(19.680)	(2.290.522)
27	2.7	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	5.401.648.351	4.969.566.077
30	2.10	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	388.993.882	391.420.960
40	Cộng chi phí hoạt động		5.790.622.553	5.359.282.313
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
42	3.2	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	559.374.076	531.303.233
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		559.374.076	531.303.233
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
54	4.4	Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	829.782.423	-
60	Cộng chi phí tài chính		829.782.423	-
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN		4.963.606.219	4.909.085.360
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		1.947.133.560	1.308.612.432

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng
Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG*Năm 2016*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
72	8.2 Chi phí khác		973.318	-
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(973.318)	-
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		1.946.160.242	1.308.612.432
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		1.946.160.242	1.308.612.432
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	31	-	-
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		1.946.160.242	1.308.612.432
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	32	59	40



Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Người lập



Nguyễn Ngọc Dung
Kế toán trưởng



Trần Kiên Cường
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*Năm 2016**(Theo phương pháp trực tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
02	2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính		-	7.066.100
04	4. Cổ tức đã nhận		555.200	950.000
05	5. Tiền lãi đã thu		2.186.085.345	923.272.614
07	7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho công ty chứng khoán		(1.721.684.348)	(1.387.194.758)
08	8. Tiền chi trả cho người lao động		(4.931.560.033)	(4.292.522.696)
09	9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động công ty chứng khoán		(1.042.571.223)	(1.906.853.717)
11	11. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (i)		91.279.334.586	58.032.002.970
12	12. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (ii)		(61.052.431.200)	(55.808.563.348)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		24.717.728.327	(4.431.842.835)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		(125.000.000)	-
25	5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.500.000.000	3.540.000.000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.375.000.000	3.540.000.000
50	IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm		26.092.728.327	(891.842.835)
60	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		144.673.591.927	145.565.434.762
61	Tiền		144.673.591.927	145.565.434.762
70	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		170.766.320.254	144.673.591.927
71	Tiền		5.766.320.254	-
72	Các khoản tương đương tiền		165.000.000.000	-

0011
CÔNG
HÀNH
VIỆM
KIỂM
TOÁN
VIỆN
VIỆT
NAM
1993

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		893.884.015.000	604.328.549.500
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(1.683.990.551.200)	(993.440.383.300)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		778.242.373.615	393.152.585.620
12	4. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		10.516.716.202	32.345.340.844
13	5. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(10.516.716.202)	(32.345.340.844)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		(11.864.162.585)	4.040.751.820
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		16.801.458.903	12.760.707.083
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		16.801.458.903	12.760.707.083
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		16.801.458.903	12.760.707.083
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		4.937.296.318	16.801.458.903
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		4.937.296.318	16.801.458.903
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		4.937.296.318	16.801.458.903

(Signature)

(Signature)



Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Người lập

Nguyễn Ngọc Dung
Kế toán trưởng

Trần Kiên Cường
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2016

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2015	01/01/2016	Năm 2015		Năm 2016		31/12/2015	31/12/2016
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
				VND	VND	VND	VND		
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở		329.999.800.000	329.999.800.000	-	-	-	-	329.999.800.000	329.999.800.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		329.999.800.000	329.999.800.000	-	-	-	-	329.999.800.000	329.999.800.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		3.562.534.878	3.562.534.878	-	-	65.430.621	-	3.562.534.878	3.627.965.499
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		3.562.534.878	3.562.534.878	-	-	65.430.621	-	3.562.534.878	3.627.965.499
4. Lợi nhuận chưa phân phối		32.229.169.028	33.493.758.222	1.308.612.432	44.023.238	1.946.160.242	163.576.552	33.493.758.222	35.276.341.912
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		32.229.169.028	33.493.758.222	1.308.612.432	44.023.238	1.946.160.242	163.576.552	33.493.758.222	35.276.341.912
CỘNG		369.354.038.784	370.618.627.978	1.308.612.432	44.023.238	2.077.021.484	163.576.552	370.618.627.978	372.532.072.910



(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Người lập

(Handwritten signature)

Nguyễn Ngọc Dung
Kế toán trưởng

Trần Kiên Cường
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.1 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<u>Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm</u> VND
Của Nhà đầu tư	170.779.491	2.545.071.789.400
- Cổ phiếu	170.779.491	2.545.071.789.400
	<u>170.779.491</u>	<u>2.545.071.789.400</u>

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2016</u> VND	<u>01/01/2016</u> VND
Tiền mặt tại quỹ	639.083.518	2.049.825.143
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	5.127.236.736	142.623.766.784
Các khoản tương đương tiền (i)	165.000.000.000	-
	<u>170.766.320.254</u>	<u>144.673.591.927</u>

(i): Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 07 ngày, được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với lãi suất 0,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết (i)	15.775.284	18.047.020	15.775.284	16.628.000
Cổ phiếu Upcom (i)	1.789.220	146.200	1.789.220	180.400
Cổ phiếu chưa niêm yết (ii)	93.600.000		93.600.000	
	111.164.504	18.193.220	111.164.504	16.808.400

(i): Giá trị hợp lý của các cổ phiếu này được xác định căn cứ giá trị thị trường tại 31/12/2016.

(ii): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

b) Các khoản cho vay

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Hoạt động margin	1.917.795.078	7.201.723.996
Hoạt động ứng trước tiền bán	208.998.200	13.809.921.622
	2.126.793.278	21.011.645.618

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**c) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường**

	Cơ sở lập dự phòng năm nay			Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay	
	Số lượng	Giá sổ sách	Giá thị trường			Giá trị dự phòng
		VND	VND			VND
FVTPL		111.164.504	18.193.220	(6.663.684)	(6.683.364)	19.680
Cổ phiếu niêm yết		15.775.284	18.047.020	(5.020.664)	(5.074.544)	53.880
AGR	6	62.100	14.940	(47.160)	(41.700)	(5.460)
CSC	65	529.380	1.462.500	-	-	-
CT6	69	743.400	310.500	(432.900)	(122.400)	(310.500)
CTD	4	170.100	730.000	-	-	-
CTG	10	132.480	150.500	-	-	-
DIG	6	150.750	45.900	(104.850)	(96.150)	(8.700)
DRC	11	117.360	352.000	-	-	-
FPT	3	186.300	132.000	(54.300)	(41.400)	(12.900)
GTA	1	8.190	13.200	-	-	-
HAP	4	29.040	12.400	(16.640)	(5.440)	(11.200)
HBS	200	2.844.000	660.000	(2.184.000)	(1.984.000)	(200.000)
HDC	11	207.900	118.800	(89.100)	(55.000)	(34.100)
ICG	6	88.020	41.400	(46.620)	(53.220)	6.600
ITA	22	192.960	87.780	(105.180)	(69.760)	(35.420)
ITC	2	31.140	20.900	(10.240)	(14.340)	4.100
KBC	5	123.300	69.250	(54.050)	(57.800)	3.750
KDC	7	221.850	254.450	-	(51.750)	51.750
NSC	10	257.580	925.000	-	-	-
PET	5	69.300	51.500	(17.800)	(2.800)	(15.000)
PTL	8	77.040	20.800	(56.240)	(63.440)	7.200
PVD	6	249.600	124.200	(125.400)	(90.600)	(34.800)
PXT	5	44.100	23.250	(20.850)	(20.600)	(250)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**c) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường**

	Cơ sở lập dự phòng năm nay			Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay	
	Số lượng	Giá sổ sách	Giá thị trường			Giá trị dự phòng
		VND	VND			VND
SHN	63	810.810	724.500	(86.310)	(4.410)	(81.900)
SMC	3	58.590	63.900	-	(36.990)	36.990
SRC	15	131.220	261.000	-	-	-
STB	125	875.000	1.115.100	-	-	-
SVC	4	126.000	192.000	-	-	-
TKC	39	448.470	682.500	-	-	-
TKU	36	270.000	388.800	-	-	-
TLH	4	-	49.000	-	-	-
TS4	6	88.560	46.800	(41.760)	(38.760)	(3.000)
VC2	120	3.285.744	1.860.000	(1.425.744)	(2.181.744)	756.000
VCB	31	502.200	1.098.950	-	-	-
VIC	82	987.790	3.444.000	-	-	-
VMD	36	900.720	1.180.800	-	-	-
VNE	6	49.680	45.000	(4.680)	-	(4.680)
VNS	31	398.250	1.029.200	-	-	-
VPH	24	248.040	151.200	(96.840)	(42.240)	(54.600)
VSH	6	58.320	93.000	-	-	-
Cổ phiếu Upcom		1.789.220	146.200	(1.643.020)	(1.608.820)	(34.200)
S96	70	1.606.500	35.000	(1.571.500)	(1.536.500)	(35.000)
VFC	8	106.400	101.600	(4.800)	(9.600)	4.800
VST	8	76.320	9.600	(66.720)	(62.720)	(4.000)
Cổ phiếu chưa niêm yết		93.600.000				
ABB (i)	10.000	93.600.000				
		111.164.504	18.193.220	(6.663.684)	(6.683.364)	19.680

(i): Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đối với cổ phiếu chưa niêm yết này do không xác định được giá thị trường.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Phải thu cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hòa Bình	1.000.000.000	-
Phải thu từ thu nhập cho thuê tài sản hợp tác với Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex	641.682.316	753.000.000
Phải thu tiền khấu hao Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình	714.584.206	1.293.841.002
	<u>2.356.266.522</u>	<u>2.046.841.002</u>

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	17.300.001	4.966.951
	<u>17.300.001</u>	<u>4.966.951</u>

8 . CÀM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng (i)	80.000.000.000	80.962.400.000
	<u>80.000.000.000</u>	<u>80.962.400.000</u>

(i) Tiền đặt cọc theo hợp đồng số 02/2014/HĐKT/HBS - THT ngày 01/01/2014 giữa Công ty với Công ty TNHH Thế Hệ Trẻ về việc thuê văn phòng làm việc tại tòa nhà số 46 - 48 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Tổng diện tích thuê văn phòng theo Phụ lục số 01 ngày 01/01/2015 là 175 m2 tại tòa nhà 46-48 Bà Triệu, thời gian thuê là 48 năm từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2061.

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Thuế TNDN nộp thừa	155.047.373	155.047.373
	<u>155.047.373</u>	<u>155.047.373</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	55.896.160.000	55.896.160.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hòa Bình</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình</i>	<i>2.940.000.000</i>	<i>2.940.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế</i>	<i>2.956.160.000</i>	<i>2.956.160.000</i>
	55.896.160.000	55.896.160.000

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hòa Bình	TP Hà Nội	4,16%	4,16%	Bất động sản
Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình	TP Hồ Chí Minh	1,47%	1,47%	Bất động sản
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế	TP Hà Nội	9,92%	9,92%	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

11 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Dự phòng giảm giá tài sản tài chính (i)	829.782.423	-
Tại ngày 31/12	829.782.423	-

(i): Khoản dự phòng cho khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế được lập căn cứ theo Báo cáo tài chính tại 31/12/2016 của Công ty này.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2016	12.178.171.307	2.612.291.901	1.180.525.899	15.970.989.107
Tại ngày 31/12/2016	12.178.171.307	2.612.291.901	1.180.525.899	15.970.989.107
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2016	12.178.171.307	2.612.291.901	1.180.525.899	15.970.989.107
Tại ngày 31/12/2016	12.178.171.307	2.612.291.901	1.180.525.899	15.970.989.107
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2016	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	-	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 15.970.089.107 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2016	11.647.361.650	677.554.820	12.324.916.470
Mua trong năm	125.000.000	-	125.000.000
Tại ngày 31/12/2016	11.772.361.650	677.554.820	12.449.916.470
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2016	11.197.021.650	677.554.820	11.874.576.470
Khấu hao trong năm	248.848.888	-	248.848.888
Tại ngày 31/12/2016	11.445.870.538	677.554.820	12.123.425.358
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2016	450.340.000	-	450.340.000
Tại ngày 31/12/2016	326.491.112	-	326.491.112

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 11.620.036.470 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2016	51.538.610.342	25.330.275.788	76.868.886.130
Tại ngày 31/12/2016	51.538.610.342	25.330.275.788	76.868.886.130
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2016	5.137.888.327	10.650.229.593	15.788.117.920
Khấu hao trong năm	1.952.220.092	4.108.523.112	6.060.743.204
Tại ngày 31/12/2016	7.090.108.419	14.758.752.705	21.848.861.124
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2016	46.400.722.015	14.680.046.195	61.080.768.210
Tại ngày 31/12/2016	44.448.501.923	10.571.523.083	55.020.025.006

Bất động sản đầu tư là một phần của Tòa cao ốc văn phòng Vimedimex tại số 246 Công Quỳnh - Phường Phạm Ngũ Lão - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tài sản hình thành từ Hợp đồng góp vốn đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng Vimedimex giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình và Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex và được quản lý bởi Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình.

Theo biên bản thỏa thuận ngày 01/01/2015 giữa Công ty và Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình sẽ hoàn trả số tiền khấu hao bất động sản đối với phần sở hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình hàng năm theo số thông báo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình. Trong năm 2016, Công ty TNHH Bất Động Sản Vimedimex Hòa Bình đã thanh toán tiền khấu hao cho Công ty là 6.640.000.000 VND, bao gồm số tiền khấu hao trả cho năm 2015 là 1.293.841.002 VND (Thuyết minh số 07), trả cho năm 2016 là 5.346.158.998 VND và số tiền chưa trả đến 31/12/2016 là 714.584.206 VND (Thuyết minh số 07).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

15 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	4.795.592.981	4.795.592.981
Tiền lãi phân bổ trong năm	2.820.889.011	2.402.203.549
Số dư cuối năm	<u>7.736.481.992</u>	<u>7.317.796.530</u>

16 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	35.852.685	128.721.212
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	166.341.061	-
	<u>202.193.746</u>	<u>128.721.212</u>

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	35.301.241	38.528.060
	<u>35.301.241</u>	<u>38.528.060</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Phải trả tiền thuê văn phòng tại tòa nhà Handico	-	1.567.735.996
Hoa hồng môi giới	33.256.023	36.000.000
Phải trả về chi phí tiền điện, điện thoại	37.000.000	119.079.464
Phí bảo trì phần mềm	368.000.000	150.000.000
Phải trả khác	88.000.000	88.000.000
	<u>526.256.023</u>	<u>1.960.815.460</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2016 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2016 VND
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội	4,67%	15.400.000.000	4,67%	15.400.000.000
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà Hà Nội	3,79%	12.510.000.000	3,79%	12.510.000.000
Nguyễn Đức Hà	13,03%	43.000.000.000	13,03%	43.000.000.000
Nguyễn Hồng Trang	11,04%	36.420.000.000	11,04%	36.420.000.000
Phạm Văn Thuận	13,03%	43.000.000.000	13,03%	43.000.000.000
Trịnh Hoài Nam	15,15%	50.000.000.000	15,15%	50.000.000.000
Đình Hữu Thành	15,15%	50.000.000.000	15,15%	50.000.000.000
Các cổ đông khác	24,14%	79.669.800.000	24,14%	79.669.800.000
	100%	329.999.800.000	100%	329.999.800.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	35.276.341.912	33.493.758.222
	35.276.341.912	33.493.758.222

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

Theo Nghị Quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	1.308.612.432
Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5,00%	65.430.621
Trích Quỹ dự phòng tài chính	5,00%	65.430.621
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	2,50%	32.715.310
Lợi nhuận chưa phân phối	87,50%	1.145.035.880

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	329.999.800.000	329.999.800.000
- Vốn góp đầu năm	329.999.800.000	329.999.800.000
- Vốn góp cuối năm	329.999.800.000	329.999.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

f) Cổ phiếu

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.999.980	32.999.980
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.999.980	32.999.980
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.999.980	32.999.980
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.999.980	32.999.980
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.999.980	32.999.980
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

20 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	11.760.000	11.120.000
	<u>11.760.000</u>	<u>11.120.000</u>

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	70.000	70.000
	<u>70.000</u>	<u>70.000</u>

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	55.520.000.000	55.520.000.000
	<u>55.520.000.000</u>	<u>55.520.000.000</u>

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	455.096.840.000	396.354.140.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	20.216.390.000	257.636.390.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	653.280.000	11.196.500.000
	<u>475.966.510.000</u>	<u>665.187.030.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	57.150.000	17.570.000
	57.150.000	17.570.000

25 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4.937.296.318	16.801.458.903
1.1. Nhà đầu tư trong nước	4.937.296.318	16.801.458.903
	4.937.296.318	16.801.458.903

26 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4.937.296.318	16.801.458.903
1.1. Nhà đầu tư trong nước	4.937.296.318	16.801.458.903
	4.937.296.318	16.801.458.903

27 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	1.917.795.078	7.201.723.996
1.1 Phải trả gốc margin	1.917.795.078	7.201.723.996
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>1.917.795.078</i>	<i>7.201.723.996</i>
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	208.998.200	13.809.921.622
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	208.998.200	13.809.921.622
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>208.998.200</i>	<i>13.809.921.622</i>
	2.126.793.278	21.011.645.618

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

28 . THU NHẬP**a) Cổ tức và tiền lãi sát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	555.200	950.000
Từ các khoản cho vay	2.045.396.731	801.252.576
Từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	2.500.000.000	3.540.000.000
	4.545.951.931	4.342.202.576

b) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	4.543.682.316	5.153.000.000
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nhập từ cho thuê tài sản	4.543.682.316	5.153.000.000
Thu nhập thuần hoạt động khác	4.543.682.316	5.153.000.000

29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi	559.374.076	531.303.233
	559.374.076	531.303.233

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	3.104.473.181	2.617.845.725
Chi phí công cụ, dụng cụ	18.020.401	54.216.499
Chi phí khấu hao TSCĐ	248.848.888	489.795.150
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.133.691.058	1.414.155.149
Chi phí khác	458.572.691	333.072.837
	4.963.606.219	4.909.085.360

31 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.946.160.242	1.308.612.432
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.500.555.200)	(3.540.950.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.500.555.200)	(3.540.950.000)
Tổng thu nhập tính thuế	(554.394.958)	(2.232.337.568)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(155.047.373)	(155.047.373)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(155.047.373)	(155.047.373)

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

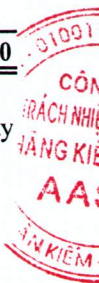
Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	1.946.160.242	1.308.612.432
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.946.160.242	1.308.612.432
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	32.999.980	32.999.980
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	59	40

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh	Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	Hoạt động môi giới	Hoạt động cho thuê tài sản	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	2.500.555.200	3.882.136.432	4.543.682.316	10.926.373.948
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	559.374.076
Chi phí hoạt động	(19.680)	5.401.648.351	-	5.401.628.671
Chi phí tài chính	829.782.423	-	-	829.782.423
Chi phí không phân bổ	-	-	-	4.963.606.219
Kết quả hoạt động				290.730.711
Tài sản bộ phận trực tiếp	56.170.878.397	9.863.275.270	56.376.291.528	122.410.445.195
Tài sản không phân bổ	-	-	-	251.398.828.276
Tổng tài sản				373.809.273.471
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	235.449.769	-	235.449.769
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	1.041.750.792
Tổng nợ phải trả				1.277.200.561

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Cổ tức được chia			
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hòa Bình	Công ty nhận đầu tư	2.500.000.000	3.540.000.000
Thu nhập được chia từ cho thuê tài sản			
Công ty Cổ phần Y Dược Phẩm Vimedimex	Cùng chủ tịch HĐQT	4.543.682.316	5.153.000.000
Chi phí thuê văn phòng			
Công ty TNHH Thế Hệ Trẻ	Cùng chủ tịch HĐQT	525.000.000	525.000.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu về khấu hao Bất động sản đầu tư			
Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình	Công ty quản lý BĐS Đầu tư / cùng Chủ tịch Công ty	714.584.206	1.293.841.002
Phải thu tiền cổ tức, lợi nhuận được chia			
Công ty Cổ phần Y Dược Phẩm Vimedimex	Cùng chủ tịch HĐQT	641.682.316	753.000.000
Công ty CP Đầu tư Địa ốc Hòa Bình	Công ty nhận đầu tư	1.000.000.000	-
Đặt cọc thuê văn phòng			
Công ty TNHH Thế Hệ Trẻ	Cùng chủ tịch HĐQT	80.000.000.000	80.000.000.000
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế	Cùng chủ tịch HĐQT	2.956.160.000	2.956.160.000

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.213.440.000	1.015.580.309

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Năm 2016 là năm tài chính đầu tiên Công ty áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC. Do đó các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính (tên cũ là Bảng cân đối kế toán), Báo cáo kết quả hoạt động (tên cũ là Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính để so sánh được với số liệu năm nay.



Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Người lập



Nguyễn Ngọc Dung
Kế toán trưởng



Trần Kiên Cường
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017